TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Â **T H YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **102**/2020/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 24 tháng 07 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/06/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, SN 1973

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, SN 1969

Đều trú tại: Ấp N, N, Â, H Yên

Người có QLNV liên quan: Chị Đoàn Thị H, SN 1970

Trú tại: B, Q, Â, H Yên

Căn cứ vào Điều 212 và 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/7/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T không có con chung

- *Về tài sản chung:*Không có

Về công nợ: Ngày 16/4/2014 anh T, chị T có vay của chị Đoàn Thị H, SN 1970; trú tại: B, Q, Â, H Yên số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), lãi 1%/ tháng. Nay ly hôn chị T, anh T và bà H thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận như sau: Anh T, chị T mỗi người trả chị H 10.000.000 đồng, các bên có nghĩa vụ trả chị H vào ngày 31/7/2020. Đối với lãi chị H cho nên anh T, chị T không phải trả.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T, chị T không thi hành khoản tiền vay trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- *Về án phí*: Chị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí STDS được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000590 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Â. Hoàn trả chị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr- ờng hợp Quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Â;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Â;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N, Â, H Yên;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Hoàng Lương Hồng